

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 26/01/2024
“V/v tranh chấp về Hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải
Ông Ngô Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 623/2023/TLST-DS ngày 08/11/2023, về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2023/QĐXXST-DS ngày 19/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm 3, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Trà, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị T trình bày:

Vào ngày 08/11/2022 âm lịch và ngày 10/01/2023 âm lịch, bà T có cho bà K vay hai lần:

- Lần thứ nhất là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.
- Lần thứ hai là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Lãi suất vay không ghi trong biên nhận, nhưng thỏa thuận là 4%/tháng.

Mục đích vay tiền là để đi khám bệnh và trả tiền mua xe, có ghi biên nhận và ký tên.

Phần 6.000.000 đồng đóng lãi đến ngày 08/02/2023 âm lịch (ngày 27/02/2023 dương lịch) và phần 12.000.000 đồng đóng lãi đến 10/02/2023 âm lịch (01/3/2023 dương lịch) cho đến nay thì không đóng.

Nay bà T yêu cầu bà K trả số tiền đã vay hai lần là 18.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/tháng của 6.000.000 đồng tính từ ngày 8/2/2023 âm lịch, phần 12.000.000 đồng từ ngày 10/2/2023 âm lịch, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi bà K trả hết tiền nợ.

Tại phiên tòa, bà T thống nhất yêu cầu các số tiền vay tính lãi từ ngày 01/3/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi bà K trả hết tiền nợ theo mức lãi suất 1,6%/tháng đến khi trả xong. Bà T đồng ý trừ số tiền lãi bà T đã nhận cao hơn mức lãi suất quy định 1,6%/tháng là 720.000 đồng.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K, nhưng bà K vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà K trả số tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K, nhưng bà K không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà K.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và có lợi cho bà K nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu bà K trả tiền vay. Theo bà T trình bày, bà K vay tiền của bà T là có căn cứ, thể hiện qua tờ “*Biên nhận*” viết tay ngày 10/01/2023 (âm lịch), theo bà T trình bày biên nhận do bà K viết và ký tên trên biên nhận, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà T trình bày bà K vay của bà T mức lãi suất là 4%/tháng, từ ngày 08/02/2023 và 10/02/2023 âm lịch không đóng lãi và trả tiền vốn như bà T đã

trình bày trên, nên căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, bà K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn gốc là 18.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà K trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 01/3/2023, đồng thời bà T tự nguyện trừ lại số tiền đã nhận lãi chênh lệch cao hơn mức quy định (số tiền vay 6.000.000 đồng đã nhận 3 tháng tiền lãi, chênh lệch mức quy định bà T thống nhất yêu cầu 1,6%/tháng là 432.000 đồng; số tiền vay 12.000.000 đồng đã nhận 1 tháng tiền lãi, chênh lệch mức quy định là 288.000 đồng; tổng cộng 720.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, bà T yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*".

Cụ thể như sau:

- Tiền lãi 1 tháng: $18.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% = 288.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/01/2024 là 09 tháng 25 ngày: $288.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 2.832.000 \text{ đồng}$, trừ tiền lãi đã nhận chênh lệch là 720.000 đồng còn 2.112.000 đồng.

Bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa vẫn vắng mặt, nên bà K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh đã thanh toán khoản nợ gốc, lãi còn lại cho bà T.

Do đó, bà K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay: gốc 18.000.000 đồng + tiền lãi 2.112.000 đồng, tổng cộng 20.112.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà T yêu cầu bà K phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi trả nợ xong với mức lãi suất 1,6%/tháng là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*", mức lãi suất này là có lợi cho bà K nên chấp nhận.

[3] **Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 20.112.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $20.112.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.005.600 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 5, điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao "*hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*"; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị K trả cho bà Võ Thị T số tiền vay tổng cộng 20.112.000 đồng (trong đó, nợ gốc 18.000.000 đồng + lãi 2.112.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 1.005.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000015 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng